TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/ 5/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Phan Văn Hương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 29/05/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLST – HN&GĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29 ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 3 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: Anh Đinh Văn P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 3 H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị T, anh P đều vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/02/2020, bản tự khai ngày 07/02/2020 và đơn xin xử vắng mặt ngày 08/05/2020 Chị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn P kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung tại thôn 3 H, xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 02/2020 thì chị T mang cả 3 con về quê mẹ ở tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh P thường xuyên uống rượu rồi mắng chửi vợ con, không chịu làm ăn phát triển kinh tế gia đình và không có trách nhiệm với các con. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với anh Đinh Văn P.

2. Về con chung: Chị T và anh P có 03 con chung là Đinh Thị Thu N, sinh ngày 09/8/2005; Đinh Trần Thu N, sinh ngày 12/02/2012; Đinh Phúc Đ, sinh ngày 09/11/2014. Nếu ly hôn chị T xin được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến anh P: Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2020 anh P trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn về diễn biến quan hệ hôn nhân về con chung đúng như chị T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị T tự ý bỏ đi và do anh hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Chị T tự ý mang con về Thanh Hóa ờ từ tháng 2/2020, nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí.

2. Về con chung và cáp dưỡng nuôi con chung: Anh P nhất trí với ý kiến của chị T, anh P đồng ý để chị T nuôi cả 3 con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 2 con chung là Đinh Trần Thu N và Đinh Phúc Đ mỗi cháu là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/ một năm.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án giai đoạn sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung " là đúng quy định khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn và bị đơn đúng và đầy đủ theo quy định tại điều 68, 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tài liệu, chứng cứ thực hiện đã lập biên bản và ghi đầy đủ các chứng cứ do đương sự giao nộp, việc lập biên bản đúng theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Thời hạn mở phiên tòa đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa đã tiến hành đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện gửi đơn khởi kiện và nộp án phí đúng quy định tại các điều theo điều 186, 190, 195 TTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Đinh Văn P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cả 3 cháu Đinh Thị Thu N, sinh ngày 09/8/2005; Đinh Trần Thu N, sinh ngày 12/02/2012; Đinh Phúc Đ, sinh ngày 09/11/2014 (hiện đang ở cùng chị T) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh P nuôi 02 con chung là Đinh Trần Thu N và Đinh Phúc Đ. mỗi cháu là 10 triệu đồng/ một năm. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 đên khi các con chung đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom

con của người đó.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí :

Án phí ly hôn: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án phí cấp dưỡng: Anh P phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" giữa chị Trần Thị T và anh Đinh Văn P. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị T, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị T đã nhận và chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình. Anh P chấp hành không đầy đủ nghĩa vụ của mình. Đến ngày 14/5/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P đăng kết hôn với nhau vào ngày 05/10/2004 tại UBND xã T trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của hai người là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T và anh P trình bày là trong cuộc sống anh P thường xuyên uống rượu say, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến xô sát, nhiều lần anh đánh, đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Từ tháng 2/2020 chị T sống ly thân với anh P không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử ly hôn giữa chị T và anh P là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế hoàn cảnh sống cũng như điều kiện chăm sóc con của chị T cần chấp nhận nguyện vọng của chị T giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 3 con chung là Đinh Thị Thu N, sinh ngày 09/8/2005; Đinh Trần Thu N, sinh ngày 12/02/2012; Đinh Phúc Đ, sinh ngày 09/11/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung là Đinh Trần Thu N và Đinh Phúc Đ một năm là 10 triệu đồng/ một cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (áp dụng các Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về tài sản chung, về công nợ chung: Từ yêu cầu của chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, chị T đã nộp được chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 5, 147, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

Xử. Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đinh Văn P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung là Đinh Thị Thu N, sinh ngày 09/8/2005; Đinh Trần Thu N, sinh ngày 12/02/2012; Đinh Phúc Đ, sinh ngày 09/11/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh P mỗi tháng anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung là các cháu Đinh Trần Thu N và Đinh Phúc Đ mỗi cháu là 10 triệu đồng/ một năm. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020 đến khi các cháu N, Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị T phải nộp 300.000 đồng, chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai T số: AA/2018/00000332 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, nay chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đươợc bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND huyện N.*
- *THADS huyện N.*
- *UBND xã T.*
- *Đương sự.*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực